

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 14/2022/HSST

Ngày: 09/03/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HOÁ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Lê Văn Quân

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đinh Văn Tân (Cán bộ đoàn)

2. Bà Nguyễn Thị Hà

***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 09/03/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 09/2022/TLST-HS, ngày 25/01/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-HS, ngày 24/02/2022 đối với bị cáo:

Bùi Văn B; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày: 10/11/1993, tại xã TS, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn LS, xã TS, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Có bố: Bùi Văn Đ; Có mẹ: Bùi Thị V; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Nhân thân: Ngày 28/7/2020 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 28/01/2022. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***\*Những người tham gia tố tụng:***

- *Bị hại:* Chị Nguyễn Thị N, sinh ngày 22/4/2001, trú tại thôn LH, xã TH, huyện T, Thanh Hóa.(có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Do có quan hệ yêu đương nam nữ nên Bùi Văn B là người đã thành niên cư trú: Thôn LS, xã TS, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, trong khoảng thời gian từ tháng 8/2016 Bùi Văn B đã nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với Nguyễn Thị N, sinh ngày 22/4/2001, trú tại thôn LH, xã TH, huyện T, Thanh Hóa, cụ thể như sau:

Vào khoảng giữa năm 2016, Bùi Văn B, sinh năm 1993, trú tại thôn LS, xã TS, huyện T quen biết qua mạng xã hội facebook với cháu Nguyễn Thị N, sinh ngày 22/4/2001, trú tại thôn LH, xã TH, huyện T. Sau một thời gian nói chuyện thì B và N nảy sinh tình cảm yêu đương với nhau. Đến khoảng tháng 8/2016 B nhắn tin liên lạc với cháu N thì được N cho biết đang đi đám cưới bạn ở xã TC, huyện T. Sau đó B một mình đi xe máy đến nhà anh Nguyễn Văn T (tên thường gọi là N1), sinh năm 1994, trú tại thôn TY, xã TC, huyện T đón N xuống thị trấn KT, huyện T để đi chơi. Tại thị trấn KT, B và N thuê nhà nghỉ để nghỉ (do đã lâu nên B và N không nhớ tên và địa chỉ cụ thể của nhà nghỉ này). B và N đã nghỉ lại qua đêm. Tại đây, được sự đồng ý của N nên B đã quan hệ tình dục (giao cấu) với N nhiều lần. Khoảng vài ngày sau B và N tiếp tục đến nhà nghỉ PV có địa chỉ tại khu phố 2, thị trấn KT, huyện T thuê phòng nghỉ. Tại đây B tiếp tục quan hệ tình dục (giao cấu) với N. Sau đó, B đưa N về nhà anh Bùi Văn N2, trú tại thôn LS, xã TS, huyện T – là chú ruột của B để ở, (anh Ninh và vợ đi làm ăn xa không có nhà), chỉ có bà Bùi Thị H – sinh năm 1943 là bà nội của B ở đó trông coi nhà. Tại nhà anh N2 thì B và N ở cùng nhau trong gian buồng, còn bà H ở gian nhà ngoài. Quá trình ở đây B và N tiếp tục giao cấu với nhau nhiều lần. N ở nhà B được một thời gian khoảng 01 – 02 tuần thì xảy ra mâu thuẫn nên N đã bỏ đi xuống nhà nghỉ PV ở thị trấn KT để thuê phòng nghỉ. Sau đó, N liên lạc với anh Nguyễn Văn T (tên thường gọi là N1) đến đón và trả tiền phòng nghỉ, nhưng do khi đó anh T không có tiền và không có tình cảm gì với N nên anh T đã không đến nhà nghỉ PV để gặp và đón N. Đến khoảng tháng 11/2016 N phát hiện có thai và đến ngày 27/7/2017 N sinh cháu Nguyễn Quỳnh A.

Ngày 20/8/2019 bà Lê Thị H1 – sinh năm 1969, trú tại thôn LH, xã TH, huyện T – là mẹ đẻ của Nguyễn Thị N, đã có đơn trình báo đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa, nội dung trình báo về việc N bị đối tượng là người Việt Nam chưa rõ lai lịch, lừa bán làm vợ cho một người đàn ông Trung Quốc và tố cáo Bùi Văn B có hành vi quan hệ tình dục dẫn đến chị N có thai, thời điểm chị N chưa đủ 16 tuổi.

Ngày 26/12/2019 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Thanh Hóa đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 72/PC02 về việc trưng cầu giám định AND của cháu Nguyễn Quỳnh A và Bùi Văn B, để xác định quan hệ huyết thống Cha – Con.

Tại Bản kết luận giám định số 499/PC09 ngày 14/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa Kết luận: Cháu Nguyễn Quỳnh A không phải là con đẻ của Nguyễn Văn B (Bút lục 32).

Trong quá trình điều tra và theo nội dung khai báo của Nguyễn Thị N thì trong thời gian quen biết với B, N còn có quan hệ tình dục với một người đàn ông khác tên Nam người xã TC, huyện T. Cơ quan điều tra đã lấy lời khai Nguyễn Văn T (tên thường gọi là N1) ở xã TC, huyện T – (là người mà Nguyễn Thị N khai đã từng có quan hệ tình dục với N). Nguyễn Văn T không thừa nhận việc mình có quan hệ tình dục với N. Ngày 10/12/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện T đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 250/QĐ-CSĐT về việc trưng cầu giám định AND đối với anh Nguyễn Văn T và cháu Nguyễn Quỳnh A. Tại Bản kết luận giám định số 251/PC09 ngày 31/12/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa Kết luận: Nguyễn Văn T không có quan hệ huyết thống Cha – Con với cháu Nguyễn Quỳnh A (Bút lục số 39; 127-128) nên Cơ quan CSĐT Công an huyện T không có căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Văn T (tên thường gọi là N1).

Trong suốt quá trình điều tra Nguyễn Văn B, đã thành khẩn khai nhận hành vi giao cấu với cháu Nguyễn Thị N như đã nêu trên (Bút lục: 145-150; 151-156; 158). Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại (Bút lục: 11-112; 113-121), phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra xác định, thời điểm giao cấu với cháu N thì cháu N sinh ngày 22/4/2001 (khoảng 15 tuổi 4 tháng), là người trong độ tuổi từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; còn B sinh ngày 10/11/1993, là người đã đủ 18 tuổi trở lên (Bút lục: 25 và 139-144).

Trong vụ án này còn có đối tượng khác đã thực hiện hành vi giao cấu với Nguyễn Thị N dẫn đến N có thai và sinh ra cháu Nguyễn Quỳnh A. Tuy nhiên, trong quá trình làm việc chị N không cung cấp được thông tin về đối tượng nào khác nên Cơ quan điều tra không có cơ sở, tài liệu để xác minh. Cơ quan CSĐT Công an huyện T sẽ tiếp tục điều tra, làm rõ khi nào có kết quả sẽ xử lý đối tượng sau theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra đại diện của người bị hại, người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKSTT ngày 24/01/2022, Viện Kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện T, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Bùi Văn B về tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS)

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, xử phạt Bùi Văn B mức án tù 42 tháng đến 48 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm nên không xem xét.

Tại phiên tòa: Bùi Văn B thừa nhận vào ngày 8/2016 có quan hệ tình dục với cháu Nguyễn Thị N nhiều lần, hành vi quan hệ tình dục với cháu N nhưng không nhớ cụ thể từng lần quan hệ. Diễn biến hành vi phạm tội như bản cáo trạng mô tả đối với bị cáo là đúng

Tại phiên tòa người bị hại thống nhất với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, phần dân sự không yêu cầu bị cáo bồi thường, phần hình phạt trong vụ án đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HĐXX**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người đại diện cho bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án. Bị cáo là người đã thành niên trong thời gian là tháng 8/2016 bị cáo đã thuê nhà nghỉ ở KT quan hệ tình dục với cháu N, sau đó bị cáo và cùng với N tiếp tục đến nhà nghỉ PV có địa chỉ tại khu phố 2, thị trấn KT, huyện T thuê nhà nghỉ và quan hệ tình dục nhiều lần, sau đó B và N về nhà anh Bùi Văn N2, trú tại thôn LS, xã TS, huyện T – là chủ ruột của B để ở tại đây trong thời gian khoảng 1-2 tuần tại gian nhà dưới B và N lại qua hệ tình dục nhiều lần. Bị cáo đã thực hiện nhiều lần quan hệ tình dục (giao cấu) có sự đồng ý của cháu Nguyễn Thị N nhưng thời điểm quan hệ tình dục cháu N chưa đủ 16 tuổi (Là trẻ em trong độ tuổi từ đủ 13 đến dưới 16 tuổi) trở lên. Do đó bị cáo đã phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a khoản 2 Điều 145 BLHS. Cáo trạng mà VKSND huyện T đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, và có 02 tình tiết giảm nhẹ là; “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS khi lượng hình HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo một phần.

[4]. Về tính chất của vụ án: Đây là vụ án có tính chất rất nghiêm trọng do Bùi Văn B thực hiện, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến sự phát triển B thường về thể chất và tâm sinh lý của trẻ em trong độ tuổi từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục. Do đó, HĐXX nhận thấy cần thiết phải xét xử nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và gia đình bị hại không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[6]. Đối với con cháu N sau giám định không xác định được ai là bố cháu nên cơ quan điều tra tiếp tục điều tra khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố:** Bị cáo Bùi Văn B phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

**Áp dụng:** điểm a khoản 2 Điều 145; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 BLHS.

**Xử phạt:** Bị cáo Bùi Văn B 42 (bốn hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày đi thi hành án.

**Áp dụng** Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6; điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

-Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSSST.

Án xử kín sơ thẩm, có mặt bị cáo, có mặt người bị hại. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện T;
- Đội THAHS công an T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Văn Quân**